

MỘT SỐ KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC CHÂU Á VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Mai Thị Thanh Xuân^(*)

Các nước châu Á, trong đó Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malayxia, Thái Lan, Trung Quốc... là những nước đã thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH đất nước ở những mức độ khác nhau. Đối với CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, các nước đã thực hiện những nội dung phong phú và bước đi linh hoạt. Nhìn chung, trong quá trình này, các nước châu Á đều khai thác tối ưu các lợi thế so sánh về tài nguyên con người, tài nguyên thiên nhiên, vốn, công nghệ và thị trường để vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nước trong nền kinh tế thị trường đang phát triển, nhờ đó rút ngắn quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Mỗi thành công của các quốc gia đều cho ta những bài học kinh nghiệm bổ ích, giúp chúng ta đỡ phải mất nhiều thời gian mò mẫm. Sau đây là một số bài học lớn về CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn của các nước đó mà Việt Nam có thể tham khảo, vận dụng để rút ngắn thời kỳ CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn của mình:

Thứ nhất, ngay thời kỳ đầu CNH, HĐH các nước đều coi trọng phát triển nông nghiệp

Hầu hết các nước châu Á đạt được trình độ phát triển như ngày nay đều từng là một nước nông nghiệp lạc hậu, với đa phần dân số là nông dân, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề với những hậu quả để lại lâu dài. Họ bắt tay vào công cuộc tái thiết đất nước, thực hiện CNH bắt đầu từ nông nghiệp, coi đây là hoạt động kinh tế cơ bản của dân cư, nhằm tạo ra những hàng hóa tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân và bảo đảm một số điều kiện quan trọng cho phát triển công nghiệp. Kinh nghiệm của các nước này là, trong thời kỳ đầu, khi công nghệ và trình độ nguồn nhân lực còn thấp, lượng vốn còn ít thì tập trung vào khai thác lợi thế về đất đai và nguồn lao động dồi dào sẵn có để phát triển nông nghiệp. Đó là vì, một mặt sự phát triển nông nghiệp tạo nên một khối lượng nông sản hàng hóa lớn, đảm bảo lương thực, thực phẩm cho xã hội, từ đó sẽ đảm bảo ổn định kinh tế-xã hội; và mặt khác, với một khối lượng vốn ít thì cũng chỉ đủ để có thể đầu tư vào nông nghiệp (bởi ngành này không đòi hỏi vốn lớn hay công nghệ hiện đại như công nghiệp); hơn thế nữa, phát triển nông nghiệp sẽ tận dụng được nguồn lao động dồi dào ở nông thôn.

^(*) Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ phát triển nông nghiệp, các nước đã tạo được tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Khi đạt đến một trình độ phát triển nhất định (mất khoảng vài chục năm), an ninh lương thực đã được bảo đảm thì nông nghiệp sẽ chuyển xuống vị trí hàng thứ, nhường chỗ cho công nghiệp và dịch vụ. Đó là bước đi tất yếu đối với các nước có nền kinh tế nông nghiệp trên con đường CNH đất nước, bởi vì trên thực tế không có nước nào chỉ dựa vào nông nghiệp thuần túy mà đạt được trình độ phát triển cao cả. Nhưng, nếu các nước có nền kinh tế nông nghiệp mà lại không dựa vào nông nghiệp và nông nghiệp để tạo ra những tiền đề cần thiết ban đầu thì cũng khó có cơ may thành công.

Ngay như Nhật Bản, họ cũng chú trọng phát triển nông nghiệp ngay từ giai đoạn đầu thực hiện CNH. Nước này đã đặt ra yêu cầu cho CNH là phải phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp để cung cấp đủ nông sản, trước hết là lương thực, thực phẩm với khối lượng lớn, chất lượng cao cho xã hội, đồng thời đáp ứng đủ nhu cầu lao động cho công nghiệp. Để thực hiện yêu cầu đó, Nhật Bản đã tiến hành những biện pháp nhằm đưa nền nông nghiệp cổ truyền kiểu châu Á trở thành nền nông nghiệp tiên tiến, với công nghệ và thiết bị hiện đại, phù hợp với đặc thù kinh tế hộ nông dân qui mô nhỏ và đặc điểm của cây lúa nước. Chương trình mục tiêu mà Chính phủ Nhật Bản đề ra trong những năm sau chiến tranh Thế giới thứ II là: đảm bảo an ninh lương thực và cải cách kinh tế nông thôn. Các chính sách thực hiện là: ổn định giá cả, tự do lưu thông hàng hóa, tăng cường công tác khuyến nông do Nhà nước đầu tư, hoàn thiện qui trình sản xuất nông nghiệp, cải thiện điều kiện sống. Từ năm 1947, Chính phủ ban hành một số đạo luật để khuyến khích phát triển nông nghiệp như: Luật tài trợ cho nông dân trong trường hợp gặp thiên tai, Luật tăng cường độ màu mỡ của đất, Luật đất đai nông nghiệp... Nhờ đó đến năm 1960, nông nghiệp Nhật Bản đã có bước phát triển mạnh mẽ, đảm bảo 102% nhu cầu về gạo, 91% nhu cầu về thịt, 101% nhu cầu về trứng, 98% nhu cầu về sữa và 100% nhu cầu về rau... cho xã hội. Năm 1975, Chính phủ Nhật Bản lại thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp toàn diện, lấy an ninh lương thực làm mục tiêu chính. Từ đó, nông nghiệp có sự phát triển vững chắc, tạo vốn cho sự phát triển công nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Ở Đài Loan, từ những năm 1960 Chính phủ đã đề ra nhiệm vụ CNH là phát triển công nghiệp để nuôi dưỡng công nghiệp, đảm bảo đủ nông sản cho nhu cầu CNH và xuất khẩu lấy ngoại tệ. Các chính sách ưu đãi đối với nông nghiệp như: bù lỗ cho nông dân trồng lúa; quan tâm đến sự phát triển những cây ăn quả có giá trị xuất khẩu... đã được Chính phủ Đài Loan thực thi rộng rãi. Đến những năm 1970, khi nông nghiệp đã trở nên đổi mới phát triển, Đài Loan mới đi vào phát triển công nghiệp. Nhiệm vụ CNH lúc này lại là phát triển công nghiệp để hỗ trợ nông nghiệp. Như vậy, nội dung CNH của Đài Loan trong giai đoạn đầu chưa đi ngay vào phát triển công nghiệp, mà là tập trung ưu tiên phát triển nông nghiệp, nhờ đó nền nông nghiệp Đài Loan đã có bước phát triển

vượt bậc: tốc độ tăng trưởng thời kỳ 1952-1981 là 12,9%/năm, thu nhập thực tế của các hộ nông dân năm 1972 tăng gấp 2 lần so với năm 1952.

Malayxia cũng đi vào CNH đất nước theo con đường này, nhưng không phát triển nông nghiệp theo kiểu truyền thống là để lấy lương thực như nhiều nước châu Á khác, mà họ tập trung vào khai thác và phát huy thế mạnh cây công nghiệp xuất khẩu như cao su và cọ dầu. Các chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ Malaixia là đặc biệt chú trọng đến sự phát triển lương thực và thực phẩm với chương trình quốc gia về lúa gạo. Cụ thể, các chính sách đều hướng vào việc tăng cường đầu tư trực tiếp cho nông nghiệp ở vùng lúa như: tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học, giảm giá phân bón, giảm thủy lợi phí, tăng cường các công trình thủy lợi (thay đổi giống mới, thâm canh tăng vụ, hỗ trợ giá cho cả người sản xuất lúa và người tiêu thụ lúa... Tất cả những chính sách đó đều nhằm làm tăng thu nhập cho nông dân, trước hết là nông dân trồng lúa

Còn Trung Quốc, sau thất bại của chiến lược CNH theo kiểu phát triển công nghiệp nặng với phương châm "toàn dân làm gang thép" và "đại nhảy vọt" của những năm 1950, đến năm 1978 nước này đã thực hiện những cải cách kinh tế theo hướng tập trung khai thác thế mạnh của nền kinh tế nông nghiệp với việc chuyển thứ tự ưu tiên phát triển từ "công nghiệp nặng-công nghiệp nhẹ-nông nghiệp" sang "nông nghiệp-công nghiệp nhẹ-công nghiệp nặng", nhờ đó kinh tế có sự tăng trưởng cao. Trong nông nghiệp, Trung Quốc đã thực hiện chính sách khoán sản phẩm đến hộ nông dân, đồng thời từng bước tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật cho nông nghiệp, nhờ đó đã sớm đưa nông nghiệp lên trình độ phát triển mới, phù hợp với đặc điểm nông thôn Trung Quốc. Những cải cách kinh tế của Trung Quốc với nội dung phát triển hướng vào nông nghiệp đã tạo cho đất nước này một bước nhảy vọt không chỉ trong nông nghiệp mà cả trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu, với gần 80% dân số sống ở nông thôn và hơn 60% lực lượng lao động nông nghiệp thì không có con đường nào tốt hơn con đường mà các nước châu Á đã đi. Sự chuyển hướng từ CNH dựa vào công nghiệp nặng trước đây sang CNH dựa vào nông nghiệp, nông thôn, coi trọng sản xuất nông nghiệp, lấy tăng trưởng nông nghiệp làm cơ sở ở nước ta hiện nay chính là sự thể hiện con đường CNH từ nông nghiệp, và thực tiễn hơn 15 năm qua đã kiểm nghiệm tính xác đáng của nó.

Thứ hai, các nước đều rất chú trọng phát triển công nghiệp nông thôn

Đây là con đường đưa các nước châu Á phát triển kinh tế nhanh, trong đó Nhật Bản, Đài Loan đã trở thành nước công nghiệp; Hàn Quốc, Xingapo trở thành nước công nghiệp mới.

Nhật Bản thực hiện phát triển công nghiệp nông thôn bằng cách xây dựng các xí nghiệp vừa và nhỏ ở các thị xã, thị trấn và đặc biệt là việc mở ra mạng lưới công nghiệp gia đình phân tán ở nông thôn làm vệ tinh, gia công cho các xí nghiệp lớn ở đô thị. Ngoài ra, họ duy trì và phát triển các ngành nghề cổ truyền đi liền với việc mở ra các ngành nghề mới, trước hết là các hoạt động dịch vụ kinh tế kỹ thuật ở nông thôn. Việc làm đó đã tận dụng được triệt để số lao động dư thừa vào các hoạt động kinh tế ngoài nông nghiệp, nâng cao thu nhập của dân cư, tạo điều kiện thúc đẩy CNH, HĐH sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, Nhật Bản đã rất chú trọng đến việc phát triển các ngành nghề mới để đáp ứng những nhu cầu mới của xã hội do tập quán tiêu dùng của người Nhật có xu hướng giảm sử dụng các sản phẩm truyền thống.

Còn Đài Loan cũng đã lựa chọn mô hình CNH phân tán cả ở đô thị và nông thôn ngay từ đầu thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế. Trong khi thực hiện xây dựng các xí nghiệp lớn thuộc ngành công nghiệp nặng như hóa dầu, điện năng, luyện kim, đóng tàu, chế tạo ô tô... ở đô thị, thì Đài Loan vẫn chú trọng xây dựng nhiều xí nghiệp công nghiệp nhẹ vừa và nhỏ của các ngành dệt sợi, đồ chơi trẻ em, chế biến nông sản thực phẩm... ở các huyện lỵ và rải rác ở vùng nông thôn. Công nghiệp phân tán ở nông thôn Đài Loan đã thu hút được lực lượng lao động dư thừa tại chỗ, làm cho nhiều hộ nông dân từ thuần nông trở thành những hộ kiêm ngành nghề. Bằng cách đó, đến những năm 1980, Đài Loan đã có đến 91% số hộ nông dân tham gia hoạt động công nghiệp, dịch vụ, và thu nhập từ các hoạt động này chiếm đến 70% tổng thu nhập của các hộ nông dân.

Quá trình CNH ở Hàn Quốc thì lúc đầu chưa chú trọng đến phát triển nông nghiệp và nông thôn, mà chỉ tập trung mọi tiềm lực để xây dựng các xí nghiệp qui mô lớn ở đô thị. Nhưng về sau, vào những năm từ 1965 trở đi, Chính phủ Hàn Quốc đã phải chuyển hướng sang phát triển kết hợp công nghiệp cả ở đô thị và nông thôn. Một mặt, Chính phủ cho xây dựng các xí nghiệp công nghiệp qui mô nhỏ phân tán ở các vùng nông thôn; và mặt khác, di chuyển một số xí nghiệp công nghiệp từ các thành phố lớn như Seoul và Pusan về các vùng nông thôn. Công cuộc phát triển các xí nghiệp công nghiệp nông thôn được thực hiện thông qua các chương trình phát triển các ngành nghề ngoài nông nghiệp của các hộ nông dân, chương trình phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, chương trình phát triển các xí nghiệp Saemaul ở nông thôn... Chính phủ cũng khuyến khích việc chuyển một số xí nghiệp công nghiệp từ các đô thị lớn đông dân cư về các vùng nông thôn. Từ việc phát triển công nghiệp nông thôn, Hàn Quốc vừa giải tỏa được tình trạng mật độ công nghiệp và dân cư quá tập trung ở các khu công nghiệp lớn, vừa thu hút một lượng lớn lao động trong và ngoài thời vụ nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân. Năm 1994, trong số 3,3 lao động bình quân một hộ thì có đến 1,3 lao động chuyên làm nông, 0,16 lao động làm nông nghiệp kiêm ngành nghề, 0,23 lao động làm ngành nghề kiêm nông nghiệp, và 1,43 lao động chuyên

làm ngoài nông nghiệp. Trong cơ cấu thu nhập của các hộ, thu nhập từ các hoạt động ngoài nông nghiệp tăng lên, từ 24,2% năm 1970 lên 30,5% năm 1990.

Ở Indônêxia, tuy có chậm hơn một số nước khác nhưng cũng đã kịp chuyển hướng sang việc chú trọng phát triển các hoạt động kinh tế ngoài nông nghiệp ở nông thôn. Chính phủ nước này đã chủ trương vừa xây dựng các xí nghiệp chế biến lớn ở đô thị, vừa xây dựng các xí nghiệp chế biến nông sản qui mô nhỏ ở nông thôn như xay xát gạo, nghiền ngô, chế biến thức ăn cho người và gia súc... Chính phủ đã đề ra các chính sách khác nhau, trong đó có chính sách ưu tiên công nghiệp nhỏ chế biến nông sản xuất khẩu. Ngoài ra, Chính phủ còn cho thành lập Hội đồng thủ công nghiệp quốc gia Indônêxia; Trung tâm phát triển tiểu, thủ công nghiệp; và lập ra các Quỹ cấp tín dụng cho nông dân nghèo, Quỹ phát triển ngành nghề, Quỹ đào tạo tay nghề cho lao động nông thôn... để hỗ trợ, thúc đẩy các ngành tiểu, thủ công nghiệp phát triển. Những nỗ lực của Indônêxia trong lĩnh vực CNH nông thôn tuy chưa thật nổi trội song đã có tác động mạnh đến sự phát triển nông nghiệp, nông thôn trong những năm 90 của thế kỷ trước.

Ở Trung Quốc, sự phát triển các xí nghiệp hương trấn xuất hiện từ năm 1978 là điển hình của mô hình phát triển công nghiệp nông thôn. Do tính đặc thù về đa dạng qui mô và sử dụng nhân công có tính chất thời vụ nên việc đầu tư cho các XNHT rất thấp, phù hợp với khả năng tài chính của người lao động và giải quyết được công ăn việc làm, tăng thu nhập. Chỉ sau 8 năm hoạt động, số lượng các XNHT đã lên tới 23,36 triệu xí nghiệp, giải quyết được 130 triệu chỗ làm việc, tạo ra 1.700 tỷ nhân dân tệ giá trị sản lượng (tương đương 213 tỷ đô la Mỹ), chiếm 60% giá trị gia tăng ở nông thôn, và 30% GDP cả nước... Sự phát triển các XNHT ở Trung Quốc đã đem lại hiệu quả cao, góp phần quyết định làm thay đổi bộ mặt kinh tế-xã hội nông thôn Trung Quốc. Đó là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ thuần nông, sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, sử dụng được phần lớn lao động dư thừa của nông nghiệp ngay trên địa bàn nông thôn, thúc đẩy quá trình HĐH nền nông nghiệp truyền thống.

Việc chú trọng phát triển công nghiệp nông thôn ở các nước trên đây là cách thức mà Việt Nam cần tham khảo để tạo điều kiện phát triển nhanh kinh tế-xã hội nông thôn, nhất là nông thôn miền núi. Nếu làm được như các nước này, chắc chắn chúng ta sẽ thu hẹp được “độ đoãng” giữa thành thị và nông thôn hiện nay.

Thứ ba, phát triển hệ thống giáo dục đào tạo phù hợp với yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn trong từng thời kỳ

Thực tế những nước CNH nông thôn thành công như Nhật Bản trước kia, Đài Loan, Malayxia, Trung Quốc và một số nước khác gần đây là nhờ có sự tác động mạnh mẽ của chủ trương coi trọng, ưu tiên phát triển hệ thống giáo dục đào tạo.

So với các nước đang phát triển khác ở châu Á, Đài Loan là nước có hệ thống giáo dục đào tạo tốt hơn. Chính phủ Đài Loan rất chú trọng đến sự phát triển hệ thống giáo dục-đào tạo, nhất là đào tạo nghề phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn trong từng thời kỳ. Chính phủ Đài Loan còn điều chỉnh nền giáo dục quốc dân cả về cơ cấu môn học, ngành học và cấp học cho phù hợp với nhu cầu và chiến lược phát triển chung cũng như nhiệm vụ từng thời kỳ cụ thể. Chẳng hạn, trong những năm 1950, khi nông nghiệp đang ở thời kỳ cần phát triển để nuôi dưỡng công nghiệp thì Chính phủ đã duy trì một tỷ lệ rất đông học sinh theo học khoa học nông nghiệp (chiếm 37% học sinh chuyên nghiệp), thứ đến là thương nghiệp (32%), còn công nghiệp chỉ chiếm một số lượng nhỏ hơn (22%). Đến những năm 1970, khi nông nghiệp, nông thôn đã bão hòa về số lượng cán bộ kỹ thuật, Chính phủ lại chuyển mục tiêu đào tạo theo hướng giảm số lượng chuyên ngành nông nghiệp xuống, chỉ còn 10% năm 1970 và 4% năm 1988.

Công tác giáo dục, đào tạo nâng cao dân trí và dạy nghề cho nông thôn được Chính phủ Malayxia coi là nhiệm vụ hàng đầu trong phát triển nông thôn. Bất kể dự án nào tiến hành ở nông thôn và cho nông thôn cũng đều có phần đầu tư cho đào tạo các loại, như đào tạo kỹ thuật, đào tạo tiếp thị, đào tạo quản lý... Các hội tiểu nông đóng ở các huyện lỵ thường xuyên tiến hành đào tạo kỹ thuật, đào tạo về quản lý, nâng cao dân trí và kiến thức thương mại cho người dân địa phương. Trong các điểm định cư, người ta cũng tổ chức các câu lạc bộ giáo dục để phổ cập giáo dục đến tận từng người dân nông thôn.

Những chính sách phát triển giáo dục của các nước đó đã tạo cho các nước một đội ngũ các nhân viên kỹ thuật nông nghiệp, các nhà khoa học nông nghiệp có trình độ cao, đưa ra được nhiều phát minh kỹ thuật tiên tiến, thúc đẩy kinh tế nói chung và CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn nói riêng. Những kinh nghiệm này là rất đáng quý đối với Việt Nam trong việc đổi mới cơ cấu giáo dục đào tạo bất hợp lý theo kiểu thừa thầy thiếu thợ thừa ở thành thị thiếu ở nông thôn..., bất cập với đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn hiện nay.

Thứ tư, chú trọng việc chuyển giao công nghệ tới các vùng nông thôn

Một bài học kinh nghiệm CNH nhanh các vùng nông thôn mà các nước châu Á, nhất là Nhật Bản và Trung Quốc thực hiện là rất coi trọng việc chuyển giao công nghệ về các vùng nông thôn. Chẳng hạn, Nhật Bản đã khôn khéo tiến hành CNH nông thôn dưới hình thức nông thôn làm gia công cho công nghiệp thành thị. Nhờ sớm được tiếp cận với những công nghệ, kỹ thuật gia công chế tạo như vậy mà nông thôn Nhật Bản đã sớm khởi được CNH. Những người thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ đầu tiên tới các vùng nông thôn ở Nhật Bản chính là các nhà buôn- những người nắm

và xử lý các thông tin về các xu hướng thị trường, về thị hiếu của người tiêu dùng... một cách sát đúng nhất. Về sau, vai trò đó đã được chuyển sang cho các công ty lớn, hoặc cho các cơ quan nhà nước hay các kênh chuyển giao khác.

Chuyển giao công nghệ trong CNH nông nghiệp, nông thôn ở Trung Quốc lại được thể hiện bởi chương trình “đốm lửa”. Mục đích của chương trình này là nhằm chuyển giao công nghệ và khoa học ứng dụng tiên tiến tới những vùng nông thôn rộng lớn, kết hợp khoa học với kỹ thuật và kinh tế để tận dụng và huy động các nguồn lực tại các ở nông thôn. Chương trình này là một phần trong kế hoạch dùng khoa học kỹ thuật để chấn hưng nông thôn, tạo nên các “đốm lửa” để dẫn đường cho nông dân Trung Quốc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển các xí nghiệp hương trấn (XNHT), thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Để thực hiện chương trình này, Trung Quốc đã huy động mọi lực lượng khoa học-kỹ thuật của trung ương và địa phương, khuyến khích làn sóng các nhà khoa học và công nghệ gia từ thành thị, từ các viện nghiên cứu khoa học và các trường đại học về các xí nghiệp nông thôn giúp đỡ các XNHT, tiến hành nghiên cứu sản xuất và đào tạo cán bộ, tập trung vào mặt trận xây dựng kinh tế nông thôn, cố gắng đổi mới về chất lượng của cán bộ nông thôn.

Ngày nay, những kinh nghiệm chuyển giao công nghệ về các vùng nông thôn của các nước châu Á, đặc biệt là kinh nghiệm của Trung Quốc đã được nhiều nước thừa nhận. Đối với Việt Nam, trong điều kiện công nghiệp nói chung và công nghiệp nông thôn nói riêng còn kém phát triển thì những kinh nghiệm đó càng có ý nghĩa.

Thứ năm, chuyển nền nông nghiệp tự cấp tự túc sang nền kinh tế hàng hóa qua con đường phát triển mạnh kinh tế trang trại

Kinh nghiệm CNH, HĐH của các nước châu Á đều cho thấy là, không thể phát triển công nghiệp, không thể thực hiện thành công CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nếu không có nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa phát triển để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp, từ đó đẩy mạnh phát triển ngoại thương, hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Để phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đến trình độ cao, con đường cơ bản là phát triển kinh tế trang trại để tạo nên những vùng sản xuất tập trung chuyên canh trong nông nghiệp, nông thôn.

Một thực tế là, các nước đi vào CNH sớm ở châu Á như Nhật Bản, Đài Loan Đài Quốc đều là những nước đầu tiên phát triển kinh tế trang trại. Còn những nước Indônêxia, Malayxia, Philippin, Thái lan... là những nước đang CNH thì kinh tế trang trại cũng bắt đầu hình thành và phát triển. Và cho đến nay, ở các nước có nền kinh tế phát triển khá cao thì kinh tế trang trại vẫn đóng vai trò chủ lực trong sản xuất nông nghiệp. Điều đó có nghĩa là, kinh tế trang trại không chỉ là kết quả của CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, mà còn là điều kiện của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Nói cách khác, kinh tế trang trại là bước phát triển tất yếu của các nước đang ở thời kỳ đầu của quá trình CNH, HĐH.

Các hình thức của kinh tế trang trại là đa dạng, nhưng nhìn chung các nước đều chú trọng đến loại hình kinh tế trang trại gia đình với các qui mô khác nhau. Đây là loại hình trang trại lấy hộ gia đình làm đơn vị sản xuất kinh doanh, sử dụng lao động gia đình là chủ yếu nên nó có mối quan hệ kinh tế khá mật thiết với kinh tế hợp tác xã và kinh tế nhà nước. Ví dụ, ở Nhật Bản có đến 92,2% tổng số trang trại gia đình đã tham gia vào tổ chức hoạt động của trên 4.000 HTX dịch vụ phục vụ nông nghiệp có cơ sở từ làng xã với hệ thống dọc lên huyện, tỉnh và cả nước. Còn HTX thì cung cấp đến 78% lượng phân bón, 52% lượng thuốc trừ sâu, trên 35% thức ăn gia súc, 44% máy móc thiết bị nông nghiệp và tiêu thụ 95% tổng sản lượng gạo, 25% sản lượng rau quả và 16% sản lượng thịt cho các trang trại gia đình. Ở Hàn Quốc cũng có hơn 90% số trang trại gia đình tham gia vào trên 1.400 HTX dịch vụ đa ngành và chuyên ngành.

Cùng nằm trong khu vực châu Á, Việt Nam là nước có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội tương đồng với các nước trên, thiết nghĩ những bước đi trong quá trình phát triển kinh tế trang trại ở các nước này sẽ có ý nghĩa thực tiễn hết sức to lớn.

Kinh nghiệm của các nước châu Á về CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn cho thấy có rất nhiều bài học thiết thực để vượt qua khó khăn của một nền nông nghiệp truyền thống trên con đường xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi xã hội nông thôn theo hướng hiện đại và cân đối. Là nước đi sau, Việt Nam có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước đó để nâng cao chất lượng các chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn, đồng thời tránh được những sai lầm mà nhiều nước đã gặp phải. Nhưng dù sao kinh nghiệm vẫn chỉ là kinh nghiệm. Chúng ta không thể máy móc rập khuôn theo nguyên mẫu mô hình của một nước nào đó, mà phải tiếp tục tìm tòi, sáng tạo để tìm ra một cách đi riêng phù hợp với điều kiện cụ thể của mình, bởi đã có một bài học về cải cách mà Ngân hàng thế giới rút ra từ thực tiễn của nhiều nước là: "*Một cuộc cải cách mà không do chính mình vạch ra thì ít có cơ may thành công*".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Nguyễn Điền, *Công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn các nước Châu Á và Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
- 2 Đỗ Đức Định (Chủ biên), *Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá: phát huy lợi thế so sánh- kinh nghiệm của các nền kinh tế đang phát triển ở Châu Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
- 3 Phan Khiêm Ích, Nguyễn Đình Phan (Chủ biên), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam và các nước trong khu vực*, NXB Thống kê, Hà Nội, 1995.

4. Phạm Thái Quốc, *Quá trình công nghiệp hoá trong 20 năm cuối thế kỷ XX*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001.
5. Đặng Kim Sơn, *Công nghiệp hoá từ nông nghiệp, Lý luận, thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2001.
6. Cao Hy Quân, Lý Thành, *40 năm kinh nghiệm Đài Loan*, NXB Đà Nẵng, 1994.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS – LAW, T.XVIII, N_o4, 2002

VIETNAM WITH THE ASIA'S EXPERIENCES IN THE INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION OF THE AGRICULTURAL AND RURAL

Mai Thi Thanh Xuan

Faculty of Economics, Vietnam National University, Hanoi

ASIA countries, include Japan, Korea, Taiwan, Malaysia, Thailand and China are countries which all succeeded in the industrialization and modernization in different levels. This is due to these countries have chosen their own way to industrialize and modernize from agriculture. Vietnam has many common characters with these countries, so their experiences in success are our valuable lessons to shorten our industrialization and modernization the agriculture and rural.